

MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HÀNH CHO TRẺ BÚ SỚM CỦA BÀ MẸ TẠI KHOA SẢN BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN NĂM 2018

Nguyễn Thị Sơn, Trần Anh Vũ*

Trường Đại học Y Dược - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá thực hành cho trẻ bú sớm của bà mẹ và xác định các yếu tố liên quan đến thực hành và kỹ năng cho con bú sớm của bà mẹ tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả, thiết kế cắt ngang được thực hiện trên 82 bà mẹ sinh con tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên trong thời gian nghiên cứu. **Kết quả:** Tỷ lệ bà mẹ cho con bú sớm trong 1 giờ đầu trong nghiên cứu đạt 86,6%, bà mẹ thực hành đúng về cho bú mẹ hoàn toàn chiếm 69,5%. Có 54 bà mẹ chiếm 65,9% có tư thế cho bú đúng, bà mẹ cho trẻ ngậm bắt vú đúng khi bú chiếm 62,2%. Tuổi và trình độ học vấn không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với thực hành cho bú sớm ở bà mẹ. Tuổi và trình độ học vấn có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kỹ năng cho bú sớm ở bà mẹ. **Kết luận:** Tỷ lệ bà mẹ cho con bú sớm đạt cao, tuổi và trình độ học vấn có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kỹ năng cho bú sớm ở bà mẹ.

Từ khóa: *Yếu tố liên quan, thực hành, cho trẻ bú sớm, bà mẹ, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên*

Ngày nhận bài: 10/12/2018; Ngày hoàn thiện: 18/12/2018; Ngày duyệt đăng: 31/01/2019

FACTORS RELATED TO EARLY INITIATION OF BREASTFEEDING BEHAVIOR AMONG MOTHER IN OBSTETRIC DEPARTMENT IN THAI NGUYEN NATIONAL HOSPITAL

Nguyen Thi Son, Tran Anh Vu*

University of Medicine and Pharmacy - TNU

ABSTRACT

Objective: The aims of this study were to evaluate early initiation of breastfeeding and its related factors in practice and skill of early initiation of breastfeeding. **Research Methodology:** The cross-sectional study design was applied for this study among 82 mothers in Thai Nguyen National Hospital. **Results:** There were 86.6% mother practiced early initiation of breastfeeding in first hour after birth, there were 69.5% mother practiced exclusive breastfeeding in first hour, 65.9% mother had correct position of breastfeeding. Age and level of education had no significant relationship with early initiation of breastfeeding. There were significant relationship between age and level of education with breastfeeding skills. **Conclusion:** Age and level of education had significant relationships with breastfeeding skills.

Keywords: *Factors related; practice; early initiation of breastfeeding; mother; Thai Nguyen National Hospital*

Received: 10/12/2018; Revised: 18/12/2018; Approved: 31/01/2019

* Corresponding author: Email: tranvudhyk@gmail.com

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nuôi con bằng sữa mẹ là một hành vi thúc đẩy sức khỏe quan trọng và mang đến rất nhiều lợi ích cho cả bà mẹ, trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng. Sữa mẹ là thức ăn phù hợp nhất và không thể thay thế cho trẻ sơ sinh, sữa mẹ cũng là nguồn dinh dưỡng tốt nhất và đầy đủ nhất cho sự tăng trưởng và phát triển của trẻ sơ sinh [1]. Đặc biệt cho trẻ bú sớm sau sinh là hành vi có hiệu quả nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ tử vong cho trẻ nhỏ.

Lợi ích của việc cho con bú sớm được biết đến rất rõ ràng nhưng tỷ lệ phụ nữ cho con bú sớm trên thế giới chiếm tỷ lệ tương đối thấp, tại Ấn Độ tỷ lệ này là 36,4% và ở Nê Pan là 45% [3], [4], [5], [7]. Ở Việt Nam tỷ lệ trẻ em từng được bú sữa mẹ là khá cao 98% tuy nhiên tỷ lệ trẻ được bú sữa mẹ sớm trong 1 giờ đầu tương đối thấp 39,7% [2].

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề cho trẻ bú sớm sau sinh, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm đánh giá thực hành cho trẻ bú sớm của bà mẹ có con lần đầu và một số yếu tố liên quan tại khoa Sản Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2018 nhằm mục tiêu:

1. Đánh giá thực hành cho trẻ bú sớm của bà mẹ tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2018.
2. Xác định các yếu tố liên quan đến thực hành và kỹ năng cho con bú sớm của bà mẹ tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Sản phụ sau đẻ đường âm đạo đang nằm tại Khoa Sản - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

Tiêu chuẩn chọn đối tượng nghiên cứu:

- Bà mẹ sau đẻ đường âm đạo có tuổi thai từ 37- 41 tuần
- Từ 18 tuổi trở lên
- Bà mẹ sinh con từ 2500 gram trở lên
- Sẵn sàng tham gia vào nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ:

- Sản phụ đẻ có can thiệp (forceps, giác hút, ...)
- Sản phụ mắc bệnh mạn tính như: Tim, HIV, viêm gan B đang tiến triển, nhiễm khuẩn cấp tính
- Sản phụ có con đang nằm điều trị tại khoa Nhi Sơ sinh.

Địa điểm nghiên cứu: Khoa Sản – Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả, thiết kế cắt ngang

- Cỡ mẫu: Cỡ mẫu được tính theo công thức của Tabacnik, Fidell ($n \geq 82$).

$N \geq 50 + 8n$, trong đó:

N: Cỡ mẫu của nghiên cứu

50: Hằng số của công thức

n: Số biến độc lập trong nghiên cứu

- Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện có chủ đích

Chỉ tiêu nghiên cứu:

- + Thông tin nhân khẩu học: Tuổi, trình độ học vấn, đặc điểm trẻ sơ sinh
- + Thực hành về cho con bú sớm của bà mẹ
- + Kỹ năng cho trẻ bú sớm của bà mẹ
- + Mối tương quan giữa tuổi, trình độ học vấn của bà mẹ với thực hành cho con bú sớm và kỹ năng cho con bú sớm của bà mẹ.

Bộ công cụ trong nghiên cứu:

- + Bộ câu hỏi nhân khẩu học: Được xây dựng bởi nghiên cứu viên bao gồm các thông tin về nhân khẩu học như tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, giới tính của trẻ, thứ tự sinh, cân nặng khi sinh.

- + Thực hành cho con bú sớm: Được xây dựng dựa theo tài liệu “Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản”, Bộ Y tế năm 2016

- + Kỹ năng cho con bú sớm: Được xây dựng dựa theo tài liệu “Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản”, Bộ Y tế năm 2016

Kỹ thuật thu thập số liệu: Phỏng vấn trực tiếp theo bộ câu hỏi

Phương pháp xử lý số liệu: Bảng phần mềm SPSS

KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu

Biến nghiên cứu		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	< 20	0	0
	20 - 35	75	91,5
	> 35	7	8,5
	Tuổi trung bình	29,4 ± 4,1 (21 - 37)	
Trình độ học vấn	THCS	10	12,2
	THPT	39	47,6
	TC - CĐ	27	32,9
	ĐH - SDH	6	7,3

Nhận xét bảng 1: Nhóm tuổi từ 20 – 35 chiếm đa số (91,5%), bà mẹ > 35 tuổi chiếm 8,5%. Trình độ học vấn THPT chiếm cao nhất 47,6%, tiếp theo là TC – CĐ chiếm tỷ lệ 32,9%, bà mẹ có trình độ THCS và ĐH – SDH chiếm tỷ lệ lần lượt 12,2% và 7,3%.

Bảng 2. Đặc điểm của trẻ sơ sinh

Biến nghiên cứu		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	42	51,2
	Nữ	40	48,8
Con thứ mấy	Con so	10	12,2
	Con dạ	72	87,8
Cân nặng lúc sinh	< 2500 gr	0	0
	≥ 2500 gr	82	100
	Trung bình (gr)	3271 ± 368,9 (2700 - 4200)	

Nhận xét bảng 2: Trẻ sơ sinh nam chiếm 51,2% trong khi đó trẻ nữ chiếm 48,8%. Bà mẹ đẻ con dạ chiếm đa số (87,8%). Trẻ đẻ ra có cân nặng trung bình 3271 ± 368,9 (gr), 100% trẻ có cân nặng ≥ 2500 gr.

Bảng 3. Thực hành cho bú sớm của bà mẹ

Kiến thức		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Thời điểm cho bú	Đúng	71	86,6
	Sai	11	13,4
Cho bú mẹ hoàn toàn	Đúng	57	69,5
	Sai	25	30,5

Nhận xét bảng 3: Tỷ lệ bà mẹ cho con bú sớm trong 1 giờ đầu trong nghiên cứu đạt 86,6%, bà mẹ thực hành đúng về cho bú mẹ hoàn toàn chiếm 69,5%.

Bảng 4. Kỹ năng cho bú sớm của bà mẹ

Kỹ năng		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tư thế bú	Đúng	54	65,9
	Sai	28	34,1
Ngậm bắt vú	Đúng	51	62,2
	Sai	31	37,8

Nhận xét bảng 4: Có 54 bà mẹ chiếm 65,9% có tư thế cho bú đúng, bà mẹ cho trẻ ngậm bắt vú đúng khi bú chiếm 62,2%.

Nhận xét bảng 5: Trong số bà mẹ thuộc nhóm tuổi 20 – 35, có 85,3% bà mẹ thực hành cho bú sớm đúng, trong khi đó tỷ lệ này ở bà mẹ thuộc nhóm tuổi trên 35 là 100%. Trong nhóm bà mẹ có trình độ Đại học và Sau đại học, tỷ lệ bà mẹ thực hành cho bú sớm đúng đạt 100%, tỷ lệ này ở nhóm các bà mẹ có trình độ học vấn TC – CĐ, THPT và THCS lần lượt 81,5%, 89,7% và 80%. Tuy nhiên, tuổi và trình độ học vấn không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với thực hành cho bú sớm ở bà mẹ.

Bảng 5. Một số yếu tố liên quan đến thực hành cho bú sớm

Thực hành cho bú		Sai	Đúng	Tổng	p
Tuổi	< 20	0	0	0	> 0,05
	20 - 35	11 (14,7%)	64 (85,3%)	75	
	> 35	0 (0%)	7 (100%)	07	
Trình độ học vấn	THCS	2 (20%)	8 (80%)	10	> 0,05
	THPT	4 (10,3%)	35 (89,7%)	39	
	TC - CĐ	5 (18,5%)	22 (81,5%)	27	
	ĐH - SDH	0 (0%)	6 (100%)	6	

Bảng 6. Một số yếu tố liên quan đến kỹ năng cho bú

Kỹ năng		Sai	Đúng	Tổng	p
Tuổi	< 20	0	0	0	< 0,05
	20 - 35	52 (69,3%)	23 (30,7%)	75	
	> 35	2 (28,6%)	5 (71,4%)	07	
Trình độ học vấn	THCS	10 (100%)	0 (0%)	10	< 0,05
	THPT	29 (74,4%)	10 (25,6%)	39	
	TC - CĐ	14 (51,9%)	13 (48,1%)	27	
	ĐH - SDH	1 (16,7)	5 (83,3%)	6	

Nhận xét bảng 6: Trong số bà mẹ thuộc nhóm tuổi 20 – 35, có 30,7% bà mẹ có kỹ năng cho bú sớm đúng, trong khi đó tỷ lệ này ở bà mẹ thuộc nhóm tuổi trên 35 là 71,4%. Trong nhóm bà mẹ có trình độ Đại học và Sau đại học, tỷ lệ bà mẹ có kỹ năng cho bú sớm đúng đạt 83,3%, tỷ lệ này ở nhóm các bà mẹ có trình độ học vấn TC – CĐ, THPT và THCS lần lượt 48,1%, 25,6% và 0%. Tuổi và trình độ học vấn có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kỹ năng cho bú sớm ở bà mẹ.

BÀN LUẬN

Thực hành và kỹ năng cho bú của bà mẹ

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có 71 bà mẹ chiếm 86,6% thực hành đúng về thời điểm cho bú. Có 54 bà mẹ chiếm 65,9% có tư thế cho bú đúng, bà mẹ cho trẻ ngậm bắt vú đúng khi bú chiếm 62,2%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn với một số nghiên cứu được thực hiện trước đó. Ở Việt Nam, theo một số nghiên cứu của Viện Dinh dưỡng quốc gia, tỷ lệ cho trẻ bú sớm trong vòng một giờ đầu chiếm 57% [3]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có thể được giải thích như sau, hiện tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên đang áp dụng 6 bước chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ, trong đó có bao gồm cho trẻ bú sớm ngay trong giờ đầu tiên, vì vậy tỷ lệ bà mẹ cho trẻ bú sớm trong nghiên cứu của chúng tôi có thể được giải thích theo quan điểm trên. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của chúng tôi vẫn còn 13,4% bà mẹ chưa thực hành cho con bú sớm, kết quả này do một số trẻ sau sinh cần được hồi sức tích cực, vì vậy bà mẹ không thực hiện được việc cho bú trong giờ đầu tiên.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy bà mẹ thực hành đúng về cho bú mẹ hoàn toàn chiếm 69,5% Đa số là các bà mẹ cho trẻ uống sữa ngoài và uống thêm nước lọc. Đây là một thói quen không tốt. Điều này có thể làm sữa mẹ về chậm hơn, trẻ phát triển chậm hơn, dễ bị mắc bệnh hơn khi không nhận được những lợi ích to lớn của sữa non, đặc biệt là kháng thể từ mẹ chuyển sang.

Chỉ có 54 bà mẹ chiếm 65,9% có tư thế cho bú đúng, bà mẹ cho trẻ ngậm bắt vú đúng khi bú chiếm 62,2%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với một số nghiên cứu được thực hiện trước đó [5], [6]. Kết quả này có thể được giải thích như sau, chỉ có 12,1% bà mẹ sinh con lần đầu, do vậy đa số bà mẹ đều có kiến thức cũng như được thực hành cho con bú từ lần sinh trước đây, vì vậy kết quả nghiên cứu của chúng tôi đạt cao hơn. Ngoài ra, trong thực tế, nhiều bà mẹ cho con bú mà không chú ý nhiều đến tư thế như nằm và ngậm bắt vú ra sao là đúng và thực hành không đúng sẽ dẫn đến dễ bị nứt, đau núm vú trẻ bú không đủ sữa và không tăng cân. Vì vậy, tư thế không đúng khi cho con bú còn là

một yếu tố dự báo trẻ sẽ bị ngừng bú sớm. Đây cũng là một điểm cần được chú trọng trong việc tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ. Và chúng ta cần tư vấn cho các bà mẹ sớm từ những lần khám thai đầu tiên, suốt quá trình mang thai, trong quá trình chuyển dạ và sau đẻ.

Một số yếu tố liên quan đến thực hành và kỹ năng cho con bú

Tuổi và trình độ học vấn không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với thực hành cho bú sớm ở bà mẹ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng phù hợp so với một số nghiên cứu được thực hiện trước đó [5], [6]. Trên thực tế hiện nay các chương trình tuyên truyền về nuôi con bằng sữa mẹ đã được triển khai rộng khắp trên cả nước. Vì vậy, việc người dân tiếp cận được các thông tin về nuôi con bằng sữa mẹ và cho trẻ bú sớm trở nên dễ dàng hơn. Và các đối tượng cũng có những cơ hội như nhau trong việc tiếp cận các thông tin về cho trẻ bú sớm.

Tuổi và trình độ học vấn có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với thực hành cho bú sớm và kỹ năng cho bú đúng ở bà mẹ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng phù hợp so với một số nghiên cứu được thực hiện trước đó. Trên thực tế những bà mẹ trên 35 tuổi thường đã có kinh nghiệm bản thân từ thực hành cho con bú ở những lần sinh con trước hoặc từ những người xung quanh nên họ dễ dàng làm đúng hơn những bà mẹ ít tuổi. Khả năng cho con bú đúng tư thế là kỹ năng học được chủ yếu qua thực hành, nên muốn thành thạo, các bà mẹ bắt buộc phải có quan sát và thực hành. Trình độ học vấn mẹ được cho là yếu tố quan trọng nhất quyết định thực hành nuôi con bằng sữa mẹ vì học vấn giúp bà mẹ nắm bắt được thông tin về lợi ích của sữa đầu đối với trẻ cũng như lợi ích của việc cho trẻ bú mẹ sớm đối với bản thân mình ngay sau khi sinh. Vì vậy, bà mẹ để cho con bú trong vòng một giờ sau khi sinh hơn. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy cho bà mẹ có học vấn cao thường có kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ tốt hơn chứ không có kỹ năng nuôi con bằng sữa mẹ tốt hơn. Tư thế cho trẻ bú đúng và ngậm bắt vú tốt là những kỹ năng không khó thực hiện nhưng nó đòi hỏi bà mẹ cần quan sát,

thực hành nhiều lần để có được những kỹ năng tốt nhất giúp cho trẻ bú tốt hơn.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ bà mẹ cho con bú sớm trong 1 giờ đầu trong nghiên cứu đạt 86,6%, bà mẹ thực hành đúng về cho bú mẹ hoàn toàn chiếm 69,5%.

Có 54 bà mẹ chiếm 65,9% có tư thế cho bú đúng, bà mẹ cho trẻ ngậm bắt vú đúng khi bú chiếm 62,2%.

Tuổi và trình độ học vấn không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với thực hành cho bú sớm ở bà mẹ.

Tuổi và trình độ học vấn có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kỹ năng cho bú sớm ở bà mẹ.

KHUYẾN NGHỊ

Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục về kỹ năng cho bú cho bà mẹ đặc biệt những bà mẹ ít tuổi và trình độ học vấn thấp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2001), *Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội 2008.
2. Tổng cục Thống kê Việt Nam (2011), *Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
3. Viện Dinh dưỡng/UNICEF (2000), *Tình trạng dinh dưỡng mẹ và con năm 1999*, Nxb Y học Hà Nội.
4. McCarter- Spaulding D. E. and Dennis C. L. (2010), "Psychometric testing of the breastfeeding self- efficacy scale- short form in a sample of black women in the United States", *Research in Nursing & Health*, 33(2), pp. 111-119.
5. Nepal Demographic and Health Survey (2012), Ministry of Health and Population: Kathmandu, Nepal; New ERA: Kathmandu, Nepal; ICF International: Calverton, MD, USA.
6. Patel A., Banerjee A., Kaletwad A. (2013), "Factors associated with prelacteal feeding and timely initiation of breastfeeding in hospital-delivered infants in India", *J. Hum. Lact.*, 29, pp. 572-578.
7. Unicef, WHO (2015), Breastfeeding advocacy initiative. [online]. Available at: http://www.unicef.org/nutrition/files/Breastfeeding_Advocacy_Strategy-2015.pdf . [Accessed 10 March 2016].

